

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 512/2020/HC-PT

Ngày 10 – 9 – 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 238/2020/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 63/2019/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2313/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Bùi Thị T; sinh năm 1947; địa chỉ: Số 3/18 Khu phố 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/7/2019): Ông Bùi Minh V, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 4/108 khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Xuân Thủy – Luật sư Công ty Luật Đông bắc Hà Nội, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; (*có mặt*).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lâm Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc N - Trưởng phòng Phòng TN&MT huyện T; (vắng mặt).

- *Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện bà Bùi Thị T do ông Bùi Minh V đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 11, thị trấn T, huyện T đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02148/2/2207 ngày 29/6/2006 đứng tên bà Bùi Thị T. Vào tháng 09/2006, bà T xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con gồm: Dương Tấn Lộc, diện tích 203,6m²; Dương Văn Thọ, diện tích 410m²; còn lại diện tích 208,4m² theo đăng ký biến động ngày 09/11/2006 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bà T. Năm 2019, UBND huyện T thu hồi toàn bộ diện tích của bà T giao cho doanh nghiệp làm dự án khu dân cư nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất và cũng không ban hành quyết định bồi thường cho bà T. Bà Bùi Thị T khiếu nại, UBND huyện T ban hành Công văn số: 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 có nội dung bác khiếu nại của bà T với lý do: Năm 2006, bà T có hiến đất diện tích 208,4m² để làm đường giao thông cấp kênh Nhà thờ.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số: 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T; buộc UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường diện tích 208,4m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 183m² biên chưa đăng ký cho bà T.

Người bị kiện UBND huyện T không không tham gia tố tụng giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 63/2019/HC-ST ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 143, 165 và 193 Luật tổ tụng Hành chính; các Điều 53, 74, 75 và 86 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính của UBND huyện T.

+ Hủy Công văn số: 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T.

+ Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường diện tích 208,4m² thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 11, thị trấn T, huyện T cho bà Bùi Thị T.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường diện tích 183m² đất biên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định và xem xét tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/01/2020, người bị kiện UBND huyện T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T, giữ nguyên Công văn số 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện T có Văn bản xin vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện bà Bùi Thị T trình bày:

Bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 208,4m² thuộc thửa 744, tọa lạc tại ấp 11, thị trấn T, huyện T và đến nay vẫn còn đang sử dụng diện tích đất này.

UBND huyện T căn cứ vào đơn xin xác nhận diện tích mất đất do làm đê bao kênh Nhà thờ ngày 31/10/2006, có xác nhận của UBND thị trấn, để xác định bà T đã hiến hết 208,4m² nêu trên để làm đường kênh Nhà thờ là không có cơ sở. Vì chữ ký tại đơn này không phải là chữ ký của bà T. Đồng thời, UBND huyện T cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà T đã hiến diện tích đất này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án là có căn cứ, người bị kiện UBND huyện T kháng cáo nhưng không có căn cứ gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của UBND huyện T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính; các

đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tổ tụng Hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người bị kiện UBND huyện T:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T, hủy Công văn số: 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T và buộc UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi và bồi thường diện tích đất 208,4m² thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 11, thị trấn T, huyện T cho bà T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Kháng cáo của người bị kiện UBND huyện T là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của UBND huyện T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người bị kiện UBND huyện T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện T có Văn bản xin vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có Văn bản xin hoãn phiên tòa nhưng không có cơ sở để chấp nhận, nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 225 của Luật tổ tụng Hành chính.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Công văn số: 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02148/2/2207 ngày 29/6/2006, UBND huyện T đã chứng nhận bà Bùi Thị T là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích 822m² thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 11, thị trấn T, huyện T.

Tháng 11/2006, bà T xác lập hợp đồng tặng cho các con là Dương Văn Thọ diện tích 140m², Dương Tấn Lộc 203,6m², diện tích đất của bà T còn lại

208,4m² và được điều chỉnh biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T vào ngày 09/11/2006 ghi rõ “DT còn lại 208,4m²”.

Năm 2008, UBND huyện T thực hiện chủ trương thu hồi đất để quy hoạch khu dân cư theo Thông báo số 1097/TB-UBND ngày 5/10/2008, trong đó có diện tích đất 208,4m² còn lại thuộc thửa 744 của bà T, nhưng trong danh sách 110 hộ gia đình, tổ chức và cá nhân bị thu hồi và được bồi thường quyền sử dụng đất không có tên bà T với lý do, UBND huyện T cho rằng, vào năm 2006 bà T đã hiến diện tích đất này để làm đường giao thông cấp kênh Nhà thờ.

Xét việc UBND huyện T chỉ căn cứ vào đơn xin xác nhận diện tích mất đất do làm đê bao kênh Nhà thờ ngày 31/10/2006 có xác nhận của UBND thị trấn để xác định bà T đã hiến hết 208,4m² nêu trên để làm đường kênh Nhà thờ là không đủ căn cứ để chấp nhận, bởi các lẽ sau:

Mặc dù, đơn xin xác nhận diện tích mất đất do làm đê bao kênh Nhà thờ ngày 31/10/2006 có xác nhận của UBND thị trấn, nhưng bà T không thừa nhận chữ ký trong đơn này là của bà T. Hơn nữa, đơn này được lập trước khi bà T được điều chỉnh biên động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T vào ngày 09/11/2006 và vẫn được ghi rõ “DT còn lại 208,4m²”.

Tại Biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện, thực tế trên thửa 744, ngoài nhà của ông Thọ (4m x 8m) và ông Lộc (đang tháo dỡ) thì vẫn còn nhà của bà T liền kề nhà ông Thọ diện tích khoảng 4m x 8m. Bà T đã cung cấp các tài liệu thể hiện UBND huyện T vẫn thu thuế đất ở đối với bà T theo các biên lai năm 2012, 2013 và cả năm 2019 trong khi bà T có giấy chứng nhận là hộ cận nghèo năm 2017, 2018.

Trong khi đó, UBND huyện T cũng không cung cấp được hồ sơ, tài liệu thể hiện có chủ trương hiến đất tuyến đê bao kênh Nhà thờ. Hơn nữa, UBND huyện T cũng không cung cấp được quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi diện tích 208,4m² đất của bà T thuộc 01 phần thửa 744 để làm đê bao kênh Nhà thờ.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định việc UBND huyện T ban hành Công văn số 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 xác định bà T đã hiến 208,4m² là không có cơ sở, nên đã quyết định hủy công văn số 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T, là đúng.

[2.2] Do đến nay, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T thì bà T vẫn là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 208,4m² đất thuộc 01 phần của thửa 744 và thực tế bà T vẫn còn đang sử dụng diện tích đất này, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại các Điều 74, 75, 83 và 86 Luật Đất đai năm 2013. Khi thu hồi diện

tích 208,4m² đất này của bà T để thực hiện quy hoạch khu dân cư thì UBND huyện T phải ban hành quyết định thu hồi theo đúng quy định tại Điều 53 của Luật đất đai năm 2013 “Chỉ được giao đất đang có người quản lý sử dụng cho người khác khi có quyết định thu hồi đất”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, trong quy hoạch khu dân cư có đất của bà T, nhưng UBND huyện T không ban hành quyết định thu hồi và bồi thường đối với diện tích 208,4m² cho bà T là trái quy định Luật Đất đai, nên đã buộc UBND huyện T phải ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường diện tích đất này cho bà T, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Những ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Bùi Thị T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Người kháng cáo UBND huyện T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính.

- Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 63/2019/HC-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, 165 và Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 53, Điều 74, Điều 75 và Điều 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính của UBND huyện T, tỉnh Long An.

+ Hủy công văn số 1122/UBND-KT ngày 28/6/2019 của UBND huyện T.

+ Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường diện tích đất 208,4m² thuộc thửa 744, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 11, thị trấn T, huyện T cho bà Bùi Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị T đối với yêu cầu UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường diện tích 183m² đất biên.

3. Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ: 1.400.000đ, bà T tự nguyện chịu, bà T đã nộp xong.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện T phải nộp 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

- Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện T phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm UBND huyện T đã nộp theo Biên lai thu số: 0000769 ngày 09/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An; UBND huyện T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 10 tháng 9 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VT(6) HS(1) (PTHH-14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh